

## BIỂU MỨC THU PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

(Ban hành kèm theo Thông tư 197/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài Chính)

## 1. Mức thu phí đối với ô tô

Số tt	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng)						
		1 tháng	3 tháng	6 tháng	12 tháng	18 tháng	24 tháng	30 tháng
1	Xe chở người dưới 10 chỗ đăng ký tên cá nhân	130	390	780	1.560	2.280	3.000	3.660
2	Xe chở người dưới 10 chỗ (trừ xe đăng ký tên cá nhân); xe tải, rơ moóc và xe ô tô chuyên dùng có trọng lượng toàn bộ dưới 4.000 kg	180	540	1.080	2.160	3.150	4.150	5.070
3	Rơ moóc có trọng lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 13.000 kg	230	690	1.380	2.760	4.030	5.300	6.470
4	Xe chở người từ 10 chỗ đến dưới 25 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có trọng lượng toàn bộ từ 4.000 kg đến dưới 8.500 kg; xe đầu kéo có trọng lượng bản thân dưới 8.500 kg.	270	810	1.620	3.240	4.730	6.220	7.600
5	Rơ moóc có trọng lượng toàn bộ từ 13.000 kg đến dưới 19.000 kg	350	1.050	2.100	4.200	6.130	8.060	9.850
6	Xe chở người từ 25 chỗ đến dưới 40 chỗ; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có trọng lượng toàn bộ từ 8.500 kg đến dưới 13.000 kg; xe đầu kéo có trọng lượng từ 8.500 kg trở lên	390	1.170	2.340	4.680	6.830	8.990	10.970
7	Rơ moóc có trọng lượng toàn bộ từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg; Sơ mi rơ moóc có trọng lượng toàn bộ dưới 27.000 kg	430	1.290	2.580	5.160	7.530	9.960	12.100
8	Xe chở người từ 40 chỗ trở lên; xe tải, xe ô tô chuyên dùng có trọng lượng toàn bộ từ 13.000kg đến dưới 19.000 kg	590	1.770	3.540	7.080	10.340	13.590	16.600
9	Rơ moóc, sơ mi rơ moóc có trọng lượng toàn bộ từ 27.000 kg trở lên	620	1.860	3.720	7.440	10.860	14.290	17.450
10	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có trọng lượng toàn bộ từ 19.000 kg đến dưới 27.000 kg	720	2.160	4.320	8.640	12.610	16.590	20.260
11	Xe tải, xe ô tô chuyên dùng có trọng lượng toàn bộ từ 27.000 kg trở lên	1.040	3.120	6.240	12.480	18.220	23.960	29.260

Ghi chú:

- Mức thu của 1 tháng năm thứ 2 (từ tháng thứ 13 đến tháng thứ 24 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 92% mức phí của 1 tháng năm thứ nhất.

- Mức thu của 1 tháng năm thứ 3 (từ tháng thứ 25 đến tháng thứ 30 tính từ khi đăng kiểm và nộp phí) bằng 85% mức phí của 1 tháng năm thứ nhất.

**2. Mức thu phí đối với xe ô tô của lực lượng quốc phòng**

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/vé/năm)
1	Xe ô tô con quân sự	1.000
2	Xe ô tô vận tải quân sự	1.500

**3. Mức thu phí đối với xe ô tô của lực lượng công an**

Số TT	Loại phương tiện	Mức thu (nghìn đồng/vé/năm)
1	Xe dưới 7 chỗ ngồi	1.000
2	Xe ô tô từ 7 chỗ ngồi trở lên	1.500
3	Xe ô tô chuyên dùng, gồm: xe khám nghiệm hiện trường, xe thông tin, xe liên lạc di động chuyên dùng	1.500
4	Xe vận tải	1.500

**4. Mức phí đối với xe mô tô (không bao gồm xe máy điện)**

TT	Loại phương tiện chịu phí	Mức thu (nghìn đồng/năm)
1	Loại có dung tích xy lanh đến 100 cm <sup>3</sup>	Từ 50 đến 100
2	Loại có dung tích xy lanh trên 100 cm <sup>3</sup>	Từ trên 100 đến 150
3	Xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ một xy lanh	2.160

Căn cứ mức thu phí đối với xe mô tô nêu trên, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định mức thu cụ thể phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Riêng xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ một xy lanh áp dụng mức thu theo mức quy định nêu trên./.

Phụ lục số 02

BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI XE MÔ TÔ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số:  
Ký hiệu:  
Số:

Đơn vị thu.....  
Mã số thuế..

BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ ĐỐI VỚI XE MÔ TÔ  
(Liên 1: Lưu tại cơ quan thu)

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền: .....  
Địa chỉ: .....

Số TT	Tên mô tô	Biển số xe	Kỳ tính phí	Mức phí
1				
2				
....				
<b>Tổng số phí phải nộp:</b>				

Số tiền: (Viết bằng chữ): .....  
.....  
Hình thức thanh toán: .....  
.....

Ngày ..... tháng .... năm 201....  
Người thu tiền  
(Ký ghi rõ họ tên)

(In tại Công ty in ..... Mã số thuế ....)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ  
(áp dụng đối với xe ô tô)  
Kỳ tính phí: .....

Người nộp phí:.....  
Mã số thuế/Số CMND:.....  
Địa chỉ: .....  
Quận/huyện: ..... Tỉnh/Thành phố: .....  
Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Số TT	Phương tiện chịu phí	Biển số xe	thời gian nộp phí	Số phí phải nộp
(1)	(2)		(3)	(4)
1	.....			
2	.....			
	<b>Tổng số phí phải nộp:</b>			

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....  
Người nộp phí

đồng dấu (nếu có), ký và  
ghi rõ họ tên

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ  
(áp dụng đối với xe mô tô)  
Kỳ tính phí: .....

Người nộp phí:.....  
Mã số thuế hoặc CMND: .....  
Địa chỉ: .....  
Quận/huyện: ..... Tỉnh/Thành phố: .....  
Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Số TT	Phương tiện chịu phí	Dung tích xi lanh	Biển số xe	mức phí
1				
2				
....				
	Tổng số phí phải nộp:			

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....  
NGƯỜI NỘP PHÍ

Ký, ghi rõ họ tên,

Ghi chú: Tờ khai này áp dụng đối với chủ phương tiện thực hiện khai lần đầu và khai bổ sung khi có phát sinh tăng, giảm phương tiện.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm ...

GIẤY ĐỀ NGHỊ  
TRẢ LẠI/BÙ TRỪ PHÍ SỬ DỤNG ĐƯỜNG BỘ

Kính gửi: .....(tên cơ quan trả phí).....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả/bù trừ phí

Tên tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại/bù trừ phí:.....

CMND/HC:.....

Địa chỉ :.....

Quận/huyện: ..... Tỉnh/thành phố: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

II. Nội dung đề nghị trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ

1. Thông tin về khoản phí đề nghị trả lại/bù trừ:

- Phương tiện đã nộp phí: .....(loại xe, biển số xe).....

- Thời gian đã nộp phí: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

- Số tiền phí đã nộp:.....

- Số tiền phí đề nghị trả lại:

- Lý do đề nghị trả lại:.....

2. Hình thức đề nghị trả phí

2.1. Bù trừ:

2.2. Trả lại tiền phí :

- Trả lại bằng : Tiền mặt :  Chuyển khoản :

- Chuyển tiền vào tài khoản số : ..... tại ngân hàng.....  
(hoặc) Người nhận tiền : ..... Số CMND/HC : ... cấp ngày..... tại..

III. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1.....

2.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Người đề nghị  
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu  
(nếu có)

075. 3825419

Phụ lục số 06

Mẫu số: 01/TH-T\_GCN

TÊN CQ CẤP TRÊN.  
TÊN ĐƠN VỊ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../TH-T-GCN

**BIÊN BẢN**  
**Thu Tem và Giấy chứng nhận kiểm định**

Vào hồi .... Giờ..... ngày .....tháng.....năm 20....

Tại Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới ....., địa  
chỉ:..... điện thoại:.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho Đơn vị đăng kiểm xe cơ giới

1. Ông: ....., Chức vụ: nhân viên;

2. Ông: ....., Chức vụ: Lãnh đạo Đơn vị;

I. Đại diện cho Chủ phương tiện có biển số phương tiện: .....

1. Ông: ....., là Chủ phương tiện/lái xe. Số điện  
thoại:..... Số chứng minh nhân dân (hoặc Giấy phép lái xe):.....;  
nơi cấp:....., ngày cấp...../...../20...

Cùng nhau lập Biên bản xác nhận thời điểm thu Tem kiểm định và  
Giấy chứng nhận kiểm định làm cơ sở để tính trả lại phí hoặc bù trừ phí sử  
dụng đường bộ trong thời gian sửa chữa, phục hồi tình trạng kỹ thuật sau tai  
nạn, cụ thể:

Ông .....đã nộp lại Tem và Giấy chứng nhận kiểm  
định có số sê ri: ..... Do... đơn vị đăng kiểm xe cơ giới .....cấp  
ngày:.../.../20... có hiệu lực đến ngày .../.../20....

Lý do: Xe bị tai nạn giao thông không thể lưu hành được phải sửa chữa.

Biên bản được lập thành hai bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho  
chủ phương tiện, 01 bản lưu tại Đơn vị đăng kiểm thu Tem và Giấy chứng  
nhận kiểm định.

**CHỦ PHƯƠNG  
TIỆN**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ  
ĐĂNG KIỂM**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

27/12/2012

Ghi chú: - Chủ phương tiện nộp Biên bản này tại Đơn vị đăng kiểm trong lần kiểm định  
sau khi sửa chữa, bảo dưỡng để làm cơ sở tính thời gian trả lại/bù trừ phí sử dụng đường  
bộ đã nộp.

Phụ lục số 07

Mẫu số: 01/QĐTP

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN  
TÊN CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

....., ngày.....tháng.....năm .....

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ

**CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**

- Căn cứ Thông tư số ..... ngày...../...../..... của Bộ Tài chính
- Căn cứ vào Giấy đề nghị trả lại tiền phí ngày ... tháng... năm... kèm theo hồ sơ của: ....(Tên người nộp phí)... ;
- Theo đề nghị của .....

**QUYẾT ĐỊNH:**

Điều 1: Trả lại/bù trừ phí sử dụng đường bộ cho (Ông/Bà/Tổ chức):.....

- Tổng số tiền phí là: ..... đồng  
(bằng chữ: .....)

- Phương tiện được trả lại/bù trừ: ..(Loại xe, biển số xe).....

- Thời gian phương tiện không sử dụng và được trả lại/bù trừ phí: Từ ngày ...../...../..... đến ngày ...../...../.....

Lý do trả lại/bù trừ phí: .....

Hình thức trả lại/bù trừ tiền:  Tiền mặt  Chuyển khoản

Bộ phận thực hiện trả lại/bù trừ phí: .....

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

...(Tên người nộp phí)..., ...(bộ phận liên quan của cơ quan thu phí)...  
chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Lưu: VT, .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)